

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂY HỒ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:01/2018/DSST

Ngày: 23/01/2018

V/v: tranh chấp về chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lịch

2. Bà Lê Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết -Thư ký Tòa án nhân dân quận Tây Hồ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 22/2016/TLST – DSST ngày 01 tháng 8 năm 2016 về tranh chấp về chia thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2017/QĐXXST – DS ngày 15 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cụ Phạm Thị M, sinh năm 1938

HKTT: Số 38 T, phường Q, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

Trú tại: Số 1, ngõ 34 Âu Cơ, phường Q, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội(Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn Cường, sinh năm 1979, trú tại: Số 12B, ngõ 354/177 Trường Chinh, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội(Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Vũ H, sinh năm 1959

Trú tại: Số nhà 104, ngõ 238 Âu Cơ, phường Q, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội (Có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Vũ Minh T, sinh năm 1957(Có mặt)

Trú tại: Tập thể Đ, phường Đ, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn Nghiệp, sinh năm 1990

Trú tại:số 459 ngõ 175 phố Định Công,phường Định Công,quận Hoàng mai, Thành phố Hà Nội (Có mặt)

3.2. Ông Vũ Hải Đ, sinh năm 1961 (có mặt)

3.4. Bà Công Thị H, sinh năm 1961 (vắng mặt)

3.5. Chị Vũ Thị Ánh T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

3.6. Chị Vũ Thùy D, sinh năm 1997 (vắng mặt)

3.7 Anh Nguyễn Xuân A , sinh năm 1982 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Số 1B, ngõ 34 Âu Cơ, phường Q, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.Ông Đ ủy quyền cho Ông Đặng Văn Cường, sinh năm 1979, trú tại: Số 24, hẻm 41/7 ngõ Thông Phong, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội (Có mặt)

3.8. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Trú tại: Số 6, ngõ 34 Âu Cơ, phường Q, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn Cường, sinh năm 1979, trú tại: Số 24, hẻm 41/7 ngõ Thông Phong, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội (Có mặt)

3.9. Ông Vũ Ngọc P, sinh năm 1965

Trú tại: Số 1, ngõ 34 Âu Cơ, phường Q, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn Nghiệp, sinh năm 1990, trú tại: số 459 ngõ 175 phố Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội (Có mặt)

3.10 Bà Vũ Thị Bích L, sinh năm 1969

Trú tại: Số 13, ngõ 257 Âu Cơ, phường Q, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội(Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn Cường, sinh năm 1979, trú tại: Số 24, hẻm 41/7 ngõ Thông Phong, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội (Có mặt)

4.Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bàVũ Thị Minh T và ông Vũ Ngọc P:

Ông Lê Tuấn Hải và bà Phạm Thị Thu Hoài thuộc công ty Luật TNHH Goldsun thuộc Đoàn luật sư Hà Nội (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/3/2016 và các lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị M trình bày:

Cụ Phạm Thị M và cụ Vũ Hoa Đ kết hôn vào khoảng năm 1956. Hai cụ sinh được 6 người con gồm:

1. Ông Vũ H, sinh năm 1959
2. Bà Vũ Thị Minh T, sinh năm 1957
3. Ông Vũ H Đường, sinh năm 1961
4. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1963
5. Ông Vũ Ngọc P, sinh năm 1965
6. Bà Vũ Thị Bích L, sinh năm 1969.

Ngoài 6 người con nêu trên, Cụ Đ và Cụ M không có con nuôi, con riêng nào khác. Trong quá trình chung sống Cụ M, Cụ Đ có hai khối tài sản là bất động sản gồm:

+ Thứ nhất: Ngôi nhà và thửa đất số 106, tờ bản đồ số 2, địa chỉ Số 38 T, phường Q, quận Tây Hồ, Hà Nội, diện tích 272m² đã được UBND quận Tây Hồ cấp Giấy chứng nhận sử dụng đất số 010103113192 ngày 31/12/2003.

+ Thứ hai: Bất động sản thứ 2 là ngôi nhà và thửa đất số 16, tờ bản đồ 43, địa chỉ số 1 ngách 34/12 đường Âu Cơ, phường Q, quận Tây Hồ, Hà Nội, diện tích 152,9m² đã được UBND quận Tây Hồ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB083126 ngày 10/2/2010. Ngày 15/3/2010, Cụ M và Cụ Đ đã ký hợp đồng tặng cho ông Vũ Ngọc P và bà Nguyễn Thị H (con trai và con dâu) một phần thửa đất này theo hợp đồng chuyển nhượng số 0042479/2010, diện tích đất tặng cho là 76,4m² đất ở. Việc tặng cho này đã được văn phòng đăng ký đất và nhà Tây Hồ đăng ký và điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 02/4/2010. Diện tích nhà đất còn lại của Cụ M và Cụ Đ tại số 1, ngách 34/12 Âu Cơ là 76,5m² đất ở, trên đất có nhà bê tông kiên cố 3 tầng. Ngôi nhà này hiện nay do Cụ Phạm Thị M, ông Vũ Hải Đ quản lý sử dụng.

Đến ngày 18/7/2013, cụ Vũ Hoa Đ chết mà không để lại di chúc. Sau khi Cụ Đ chết thì gia đình cũng nhiều lần bàn bạc phân chia thừa kế của Cụ Đ để lại (một nửa giá trị của hai khối bất động sản nêu trên), nhưng trong gia đình không thống nhất với nhau trong vấn đề phân chia thừa kế. UBND phường Q cũng hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, Cụ M có đơn khởi kiện đề nghị Tòa chia di sản thừa kế của cụ Vũ Hoa Đ để lại theo quy định của pháp luật đối với hai khối bất động sản nêu trên. Nguyên vọng của cụ đề nghị Tòa xem xét chia cho phần di sản của Cụ Đ (1/2 khối tài sản) theo giá trị bằng tiền, cụ có trách nhiệm thanh toán giá trị bằng tiền cho đồng thừa kế theo quyết định của Tòa án và đề nghị

được quản lý, sở hữu toàn bộ di sản thừa kế nói trên. Cụ tự nguyện không yêu cầu phải chia công sức trông nom, duy trì di sản thừa kế của Cụ Đ.

Đối với căn hộ tập thể tại tổ 44, cụm 7, phường P, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội không phải là tài sản của hai cụ tạo dựng được mà do Công ty cổ phần sản xuất và Xuất nhập khẩu Bao Bì phân cho ông Vũ Hải Đ, không phải là tài sản chung vợ chồng của Cụ M, Cụ Đ.

Đối với phần diện tích nhà đất 76,4m² tại số 1 ngách 34/12 đường Âu Cơ, phường Q, quận Tây Hồ, Hà Nội, khi Cụ Đ còn sống hai cụ đã thống nhất tặng cho vợ chồng ông P, các đồng thừa kế khác cũng biết và không có ý kiến gì nên đề nghị Tòa án chia thừa kế của Cụ Đ thì đề nghị Tòa án vẫn chia di sản thừa kế cho ông P như các thừa kế khác.

Bị đơn là ông Vũ H trình bày:

Về hàng thừa kế theo pháp luật của gia đình ông như Cụ M trình bày là đúng.

Về nguồn gốc các tài sản là di sản thừa kế của Cụ Đ, ông bổ sung như sau:

Trước khi bố mẹ ông lấy nhau, cụ ông là Vũ Hoa A đã thừa kế lại cho ông nội ông là Vũ Hoa D. Sau khi ông nội ông mất đã thừa kế lại cho bố ông là Vũ Hoa Đ phần diện tích đất là 572m² tại Số 38 T, phường Q, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội. Khoảng năm 1991, bố mẹ ông bán đi 300m² trong đó có 240m² đất tư điền tức đất ở và 60m² đất liền kề cho ông Vũ Quý Đ với giá 30 cây vàng (98), hiện nay ông Đ vẫn đang ở và sử dụng. Sau khi bán diện tích đất trên, khoảng năm 1991, Cụ M, Cụ Đ mua một mảnh đất tại số 1 ngách 34/12 Âu Cơ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội với giá hơn 06 cây vàng, diện tích là 152,9m² đã được UBND quận Tây Hồ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Cụ Đ, Cụ M. Ngày 15/3/2010, Cụ M và Cụ Đ đã ký hợp đồng tặng cho ông Vũ Ngọc P và bà Nguyễn Thị H (con trai và con dâu) một phần thửa đất này theo hợp đồng chuyển nhượng số 0042479/2010, diện tích đất tặng cho là 76,4m² đất ở, sau đó ông P đã bán đi.

Ngoài ra, Cụ Đ đã cho con gái, con trai mỗi người một cây vàng 98. Sau khi bán một phần thửa đất tại 38 Q, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, ngày 30/4/2002 Cụ Đ đã triệu tập họp toàn gia đình trong tình trạng hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn, không bị ép buộc. Nội dung biên bản họp gia đình là ý nguyện của Cụ Đ lúc còn sống, gia đình đã nhất trí nhà đất này sẽ được để lại làm nhà thờ chung của gia đình, không được phép chia và ông H là người trực tiếp sử dụng, quản lý tài sản này. Mười năm cho thuê nhà tại Số 38 T, ông H không

nhận một đồng nào, chỉ mong muốn để căn nhà trên làm nơi thờ cúng theo nguyện vọng của Cụ Đ khi còn sống. Do vậy, ông không đồng ý yêu cầu chia thừa kế của Cụ Phạm Thị M đối với phần di sản của bố ông để lại tại Số 38 T, phường Q, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

Đối với phần diện tích nhà đất tại số 1 ngõ 34/12 Âu Cơ, ông đề nghị Tòa án chia di sản của bố ông theo quy định của pháp luật và đề nghị được nhận bằng tiền đối với phần di sản này.

Trước đây, Cụ Đ là trưởng phòng tổ chức của Xí nghiệp bao bì I, Phú Thượng nay là Công ty bao bì nên năm 1993 khi được nghỉ hưu Cụ Đ đã được phân một căn hộ ở tầng 1, trong khu tập thể 5 tầng của Xí nghiệp. Sau khi được cấp Cụ Đ đã cho ông Đ, ông Đ đã bán đi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Minh T và ông Vũ Ngọc P, và đại diện theo ủy quyền của ông P và bà T là ông Đặng Văn Nghiệp trình bày:

Bà T, ông P xác nhận lời khai của Cụ M, ông H về hàng thừa kế, thời điểm Cụ Đ chết, cũng như di sản thừa kế của Cụ Đ để lại là đúng.

Ông, bà cũng xác nhận có biên bản họp gia đình ngày 30/4/2002. Lúc đó, do Cụ Đ, Cụ M làm nhà không có tiền nên phải vay mượn của các con cũng như người thân nên Cụ Đ đã họp các con để công khai tài chính và thu tiền cho thuê nhà để trả các khoản nợ đã vay. Cụ Đ, Cụ M chưa có ý định phân chia nhà đất tại Số 38 T cho các con nhưng nội dung biên bản họp gia đình là do ông H tự viết các thành viên trong gia đình không có mặt đầy đủ, bà T, bà L không có mặt nhưng được ký thay (KT). Do đó, đây không phải là bản di chúc của Cụ Đ và Cụ M. Mặt khác, sau khi có biên bản họp gia đình, ông H không phụng dưỡng bố mẹ, thường xuyên chửi bới, lăng mạ Cụ Đ, Cụ M nên hai cụ đã không cho ông H quản lý tài sản đó từ khi Cụ Đ còn sống, toàn bộ tiền cho thuê nhà Cụ Đ, Cụ M tích cóp trả nợ đối với khoản vay khi làm căn nhà tại 38 T.

Thời điểm đó do kinh tế khó khăn, ông P đã tự nguyện cho Cụ Đ, Cụ M vay số tiền 50 triệu đồng để xây nhà không lấy lãi, sau đó cho luôn bố mẹ phần gốc. Vì ông P có công sức đóng góp tiền xây dựng nhà nên năm 2010 Cụ Đ, Cụ M đã tặng cho vợ chồng ông P $\frac{1}{2}$ diện tích nhà đất tại số 1 ngõ 34/12 Âu Cơ, các đồng thừa kế đều biết và không có ý kiến thắc mắc gì. Sau đó, ông P đã bán phần diện tích nhà đất trên được 5,4 tỷ đồng.

Nay Cụ M còn sống không đồng ý chia phần di sản của mình như biên bản họp gia đình và làm đơn khởi kiện đề nghị phân chia di sản thừa kế của Cụ Đ theo pháp luật, Cụ M có trách nhiệm trả bằng tiền cho các đồng thừa kế khác

và được quản lý toàn bộ di sản thừa kế của Cụ Đ, Cụ M, sau này Cụ M chết, Cụ M di chúc giao tài sản cho ai là quyền của Cụ M.

Nguồn gốc căn hộ tại tầng 1, trong khu tập thể 5 tầng tại phường P, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội là do ông Đ được Xí nghiệp Bao Bì phân cho theo tiêu chuẩn của ông Đ, sau khi được phân ông Đ đã bán. Ông H cho rằng đây là tài sản của Cụ M, Cụ Đ là không đúng.

Do vậy, đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của Cụ Đ đều cho tất cả các thừa kế. Nếu được Tòa án chia di sản của Cụ Đ bằng tiền, bà T, ông P đề nghị giao phần giá trị tài sản của mình được chia cho Cụ M sở hữu, Cụ M không phải thanh toán tiền cho bà T, ông P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị L, ông Vũ Hải Đ và bà Vũ Thị Bích L, và đại diện theo ủy quyền của ông Đ và bà L là ông Đặng Văn Cường trình bày:

Bà L, ông Đ, bà L xác nhận lời khai của bà M, ông H, bà T, ông P là đúng.

Gia đình có buổi họp ngày 30/4/2002 nhưng không có mặt đầy đủ, bà L vắng mặt tại buổi họp nên không nhất trí với nội dung trong biên bản cuộc họp, bà L không ký tên mà được (KT). Mặt khác, biên bản này không có xác nhận của chính quyền xã phường hay có xác nhận của công chứng nên không phải là di chúc hay căn cứ để chia di sản thừa kế của Cụ Đ. Sau khi ông H tự viết biên bản họp gia đình đưa cho Cụ M, Cụ Đ, ông Đ, ông P, bà L ký, ông H nghĩ đã xong thủ tục phân chia di sản của hai cụ nên cư xử bất hiếu với cả hai cụ, đối xử bạc đãi, xúc phạm, lăng mạ và không phụ dưỡng hai cụ, vì vậy, hai cụ đã phải tự quản lý thu tiền thuê nhà trả nợ số tiền đã bỏ ra xây nhà. Mặt khác, phần di sản của Cụ M hiện nay Cụ M vẫn còn sống, Cụ M cho ai là quyền của Cụ M. Việc Cụ M, Cụ Đ tặng cho ông P nhà đất tại tặng cho vợ chồng ông P ½ diện tích nhà đất tại số 1 ngõ 34/12 Âu Cơ, các ông, bà đều biết và không có ý kiến thắc mắc gì. Sau đó, ông P đã bán phần diện tích nhà đất trên được 5,4 tỷ đồng, phần diện tích nhà trên đất là do ông P tự xây dựng.

Nguồn gốc căn hộ tại tầng 1, trong khu tập thể 5 tầng tại phường P, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội là do ông Đ được Xí nghiệp Bao Bì phân cho theo tiêu chuẩn của ông Đ, sau khi được phân ông Đ đã bán. Hiện nay, ông Đ đang ở cùng gai đình vợ con và Cụ M tại số 1 ngõ 34/12 Âu Cơ, đây là tài sản của cụ Mỹ, Cụ Đ, ông Đ không có sửa chữa xây dựng thêm và có công sức đóng góp gì đối với nhà đất trên.

Nay Cụ M làm đơn khởi kiện đề nghị phân chia di sản thừa kế của Cụ Đ theo pháp luật, Cụ M có trách nhiệm trả tiền cho các đồng thừa kế khác và được quản lý toàn bộ di sản thừa kế của Cụ Đ. Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của Cụ M, chia di sản thừa kế của Cụ Đ đều cho tất cả các thừa kế. Nếu được Tòa án chia di sản của Cụ Đ bằng tiền, bà L, ông Đ, bà L đề nghị giao phần giá trị tài sản của mình được hưởng cho Cụ M sở hữu, sử dụng Cụ M không phải thanh toán tiền cho bà L, ông Đ, bà Liên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Công Thị H, chị Vũ Thị Ánh T, anh Nguyễn Xuân A, chị Vũ Thùy D trình bày:

Bà H, chị T, anh A, chị D là vợ và con gái, con rể của ông Đ đang sinh sống tại số nhà 1 ngách 34/12 đường Âu Cơ, phường Q, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội. Nguồn gốc nhà đất trên là của Cụ Đ, Cụ M, bà H, chị T, anh A, chị D chỉ ở nhờ không có công sức đóng góp gì trong việc sửa chữa, xây dựng, tôn tạo nhà đất trên. Nay Cụ M có đơn khởi kiện đề nghị chia di sản của Cụ Đ trong đó có $\frac{1}{2}$ diện tích nhà đất tại số nhà 1 ngách 34/12 đường Âu Cơ, bà H, chị T, anh A, chị D không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các đương sự có ý kiến như sau:

- Nguyên đơn giữ nguyên câu khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế phần di sản của Cụ Đ theo pháp luật, chia bằng tiền, Cụ M có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế khác bằng tiền và xin được quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản của Cụ M, Cụ Đ.

- Bị đơn trình bày: Phản đối ý kiến bên nguyên đơn cho rằng vụ án này phải chia theo pháp luật, gia đình là bố bị đơn có để lại bản giấy tờ dạng di chúc, chính là biên bản họp gia đình ngày 30/4/2002, mà chính tay bị đơn viết theo lời đọc của ông Vũ Hoa Đ, bị đơn có yêu cầu được hưởng toàn bộ nhà đất tại 38 T, vì đây là ý nguyện của ông Đ, đất này là thừa kế từ đời ông nội của bị đơn và các con phải thực hiện theo biên bản ngày 30/4/2002, bị đơn chỉ đóng góp vào bất động sản 38 T này bằng công sức, không tính bằng tiền, đây là nhà thờ. Hiện nay bị đơn lưu giữ giấy gốc này và không còn tài liệu, chứng cứ nào khác ngoài biên bản ngày 30/4/2002, về bất động sản số 1 ngách 34/12 Âu cơ thì bị đơn yêu cầu Tòa án chia theo pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, cũng như người đại diện đều giữ nguyên ý kiến, không có bổ sung gì và khẳng định giữ nguyên quan điểm nhường lại kỷ phần được chia cho nguyên đơn nếu họ được chia theo quy định

của pháp luật theo đúng như nội dung trong biên bản hòa giải trước đây tại tòa án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T, ông P trình bày:

Là người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà T và ông P, những người có quyền lợi ích trong vụ án này, các luật sư nhất trí về những người trong hàng thừa kế là bà T, ông P, đây là các con đẻ của ông bà M, Đ. Thứ hai: Về di sản có yêu cầu chia theo pháp luật là hai khối bất động sản tại 38 T và số 1 ngách 34/12 Âu cơ đều thuộc địa bàn phường Q, và hai khối này chia làm 07 kỷ phần bằng nhau theo đúng giá trị đã có bản định giá ghi nhận (không có diện con riêng, con nuôi). Không công nhận biên bản ngày 30/4/2002 vì không phải là di chúc theo quy định của Bộ luật dân sự năm 1995, nội dung biên bản này chỉ đề cập đến việc góp tiền xây dựng nhà 38 T, hơn nữa việc góp tiền này đã được các bên thanh toán xong, không ai yêu cầu, nếu hoàn thiện xong nhà đưa vào cho thuê thì sẽ thế nào, không chia cho ai và diện tích cụ thể của người sẽ được hưởng, về hình thức không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, không có người làm chứng theo quy định và bị đơn là người được hưởng thừa kế là ông Vũ H thừa nhận tự tay ghi chép, không đầy đủ các chữ ký của tất cả các con Cụ Đ bà M, vi phạm điều 656 BLDS, và khi những người được ký thay không có ủy quyền. Thời điểm ghi biên bản là năm 2002 nhưng đến năm 2013 cũng không ai tự nguyện thực hiện nội dung của biên bản này, không đi đăng ký là nhà thờ. Đề nghị Tòa án căn cứ các điều 605, điều 675, khoản 1 điều 676; khoản 2 điều 685 Bộ luật dân sự 2005 để chia theo pháp luật, trong đó ông P và bà T được hưởng mỗi người một phần trong bảy phần bằng nhau, và phân chia bằng hiện vật cho bà M, vụ án này trong thời hiệu của pháp luật. Căn cứ khoản 1 điều 27; điều 63 Luật hôn nhân và gia đình xác định hai khối di sản này là tài sản chung của vợ chồng bà M, ông Đ. Không chấp nhận biên bản 30/4/2002 là di chúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án như sau:

Thẩm phán đã thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: đã thụ lý đúng thẩm quyền, giao nhận thông báo thụ lý vụ án theo quy định, xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự theo quy định của pháp luật. Thư ký đã phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra sự vắng mặt, có mặt của những người tham gia tố tụng theo quy định. Thành

phần Hội đồng xét xử đúng quyết định đưa vụ án ra xét xử. Các đương sự và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70,71,72,73 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Xác định vụ án này thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân quận Tây Hồ, còn trong thời hiệu, thời điểm mở thừa kế là ngày 18/7/2013 khi ông Điền chết, đây là quan hệ thừa kế, di sản chỉ gồm hai bất động sản như yêu cầu của bên nguyên đơn và bị đơn thừa nhận, chấp nhận ý kiến của bên nguyên đơn cũng như đại diện nguyên đơn và luật sư bảo vệ quyền lợi cho người có quyền lợi liên quan về biên bản ngày 30/4/2002 không phải là di chúc theo quy định của pháp luật tại các điều 263 khoản 2 và khoản 2 điều 660 bộ luật dân sự 2005. Căn cứ bên nguyên đơn cũng như người có quyền lợi liên quan chia thành 07 kỷ phần bằng nhau được chấp nhận, chia theo quy định pháp luật. Chấp nhận nội dung của biên bản định giá xác định về giá trị hai khối di sản là đúng và hợp lệ, chấp nhận việc bên người có quyền lợi liên quan nhường lại kỷ phần của mình cho bà Mỹ không bị ép buộc. Các bên phải chịu án phí theo quy định của pháp lệnh án lệ phí tòa án 1999, căn cứ các điều 144, điều 147 bộ luật tố tụng dân sự 2015 và các điều 611, điều 612, điều 613, điều 649 và 650 Bộ luật dân sự 2015 để chấp nhận yêu cầu nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự, bà H, chị T, anh A, chị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều b Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Cụ Phạm Thị M và cụ Vũ Hoa Đ kết hôn vào khoảng năm 1956, sinh được 6 người con gồm:

1. Ông Vũ H – sinh năm 1959
2. Bà Vũ Thị Minh T, sinh năm 1957
3. Ông Vũ Hải Đ, sinh năm 1961
4. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1963
5. Ông Vũ Ngọc P, sinh năm 1965
6. Bà Vũ Thị Bích L, sinh năm 1969.

Ngoài 6 người con nêu trên, Cụ Đ và Cụ M không có con nuôi, con riêng nào khác.

Ngày 18/7/2013 ông Vũ Hòa Đ chết, ngày 28/03/2016, Cụ M có đơn khởi kiện xin chia di sản thừa kế của cụ Đ theo pháp luật. Như vậy, đơn khởi kiện xin chia thừa kế của Cụ M còn trong thời hiệu theo tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015. Hàng thừa kế theo pháp luật của Cụ Đ gồm Cụ M và 06 người con có tên trên.

Về di sản thừa kế của Cụ Đ: Theo tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự thể hiện: Năm 1974, Cụ Đ được thừa kế 01 thửa đất của cố bà Nguyễn Thị D (mẹ đẻ của Cụ Đ), giấy chứng nhận số 243, địa bạ số 1, diện tích là 01 sào 05 thước tương đương 595m² đất tại tổ 38 phường Q, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội. Năm 1989, Cụ Đ và Cụ M đã chuyển nhượng một phần quyền sử dụng tại thửa đất trên cho cụ Vũ Văn Đ, diện tích là 323m². Ngày 31/12/2003, UBND quận Tây Hồ cấp Giấy chứng nhận sử dụng đất số 010103113192 mang tên Cụ Phạm Thị M, cụ Vũ Hoa Đ tại thửa đất số 106, tờ bản đồ số 12, diện tích 272m², (trong đó: 120m² đất ở; 94.8m² đất liền kề; 57.2 m² đất không cấp giấy chứng nhận). Năm 2003, Cụ M, Cụ Đ đã xây dựng căn nhà 4 tầng, 01 tum diện tích xây dựng tầng 01 là 111,7m².

Sau khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho cụ Đ, khoảng năm 1991 Cụ M, Cụ Đ đã dùng tiền chuyển nhượng được mua thửa đất số 16, tờ bản đồ 43, địa chỉ số 1 ngách 34/12 đường Âu Cơ, phường Q, quận Tây Hồ, Hà Nội, diện tích 152,9m² với giá hơn 06 cây vàng 98. Năm 2005, Cụ Đ, Cụ M đã xây dựng một căn nhà 2 tầng, 01 tum trên ½ diện tích đất này. Phần đất còn lại Cụ M, Cụ Đ đã cho ông P sử dụng, ông P đã tự bỏ tiền xây căn nhà 3 tầng trên ½ diện tích đất cùng thời điểm Cụ M, Cụ Đ xây nhà. Ngày 10/02/2010, UBND quận Tây Hồ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB083126 mang tên Cụ Phạm Thị M, cụ Vũ Hoa Đ. Ngày 15/3/2010, Cụ M và Cụ Đ đã ký hợp đồng tặng cho ông Vũ Ngọc P và bà Nguyễn Thị H (con trai và con dâu) một phần nhà đất này theo hợp đồng chuyển nhượng số 0042479/2010, diện tích đất tặng cho là 76,4m² đất ở. Mặc dù nguồn gốc tiền xây dựng căn nhà 03 tầng do ông Vũ Ngọc P tự bỏ ra, nhưng khi tặng cho trên đất đã có căn nhà nên hợp đồng tặng cho có phần diện tích nhà ở là 54m² để thuận tiện việc giao dịch. Ngày 02/4/2010, văn phòng đăng ký đất và nhà Tây Hồ đăng ký và điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi được Cụ M, Cụ Đ tặng cho, ngày 12/7/2010 vợ chồng ông Phụng đã bán toàn bộ nhà đất trên cho vợ chồng ông Ngô Xuân B, chị Phạm Kim N. Diện tích nhà đất hiện còn lại của Cụ M và

Cụ Đ tại số 1, ngách 34/12 Âu Cơ là 76,5m² đất ở, trên đất có nhà bê tông 2 tầng 01tum.

Theo biên bản xác minh ngày 08/11/2017 tại Công ty cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Bao Bì (trước đây là Xí nghiệp bao bì xuất nhập khẩu I Hà Nội) thì căn hộ 107, tầng 1 tập thể 5 tầng tại tổ 44, cụm 7, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội được phân phối cho ông Vũ H Đường theo Quyết định số 49/BB/HCQT ngày 15/2/1990, ông Đ đã chuyển nhượng cho bà Vũ Thị Thắng. Ông H cho rằng căn hộ này được xí nghiệp xuất nhập khẩu Bao Bì phân phối cho Cụ Đ và Cụ Đ đã cho ông Đ khi còn sống là không có cơ sở để xem xét.

Do vậy, di sản thừa kế của Cụ Đ được xác định là $\frac{1}{2}$ diện tích nhà đất trong 2 khối tài sản chung vợ chồng của Cụ M, Cụ Đ nói trên.

Xét “biên bản họp gia đình” ngày 30/04/2002, theo ông H là ý nguyện của cụ Mý để lại nhưng ông H không xuất trình bản gốc, chỉ xuất trình bản pho to. Tại phiên tòa, ông Hải đã xuất trình bản gốc và đề nghị Hội đồng xét xử không chia thừa kế đối với di sản của Cụ Đ tại Số 38 T, Quảng An, Tây Hồ, Thành phố Hà Nội đối với phần diện tích 100m² đã xây dựng nhà 3 tầng, mà để lại làm nhà thờ, ông H là người trực tiếp quản lý, sử dụng theo ý nguyện của Cụ Đ. Phần diện tích còn lại 172m², trừ ngõ 22m², còn lại 150m² chia cho ông H, ông Đ, ông P 50m². Tuy nhiên, trong biên bản họp gia đình cũng không phân chia mốc giới cụ thể, nội dung biên bản họp do ông H tự viết, Cụ M, Cụ Đ, ông H, ông Đ, ông P cùng ký, bà T, bà L không ký mà người khác ký thay (KT). Biên bản họp gia đình cũng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, nội dung mới chỉ nêu ý kiến về kinh phí xây dựng nhà tại Số 38 T và định đoạt di sản là nhà đất tại đây, chưa phân chia di sản tại số 1 ngõ 34/12 Âu Cơ, phường Q, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội. Như vậy, “biên bản họp gia đình” ngày 30/04/2002 không phải là di chúc hợp pháp của Cụ Đ về hình thức và nội dung, nên ông H đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của Cụ Đ tại Số 38 T theo biên bản họp gia đình là không có căn cứ để chấp nhận.

Hiện Cụ M vẫn còn sống, không đồng ý phân chia phần tài sản của cụ theo biên bản họp gia đình ngày 30/04/2002, mà chỉ đề nghị chia di sản thừa kế của Cụ Đ. Việc Cụ M đề nghị chia cho cụ bằng hiện vật, để cụ tiếp tục quản lý, sử dụng tài sản chung của hai cụ nhằm ổn định trong việc duy trì di sản thừa kế, phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015, nên được HĐXX chấp nhận. Cụ M có trách nhiệm thanh toán toàn bộ phần giá trị tài sản cho các đồng thừa kế được hưởng theo kỷ phần.

Cụ M, bà T, ông Đ, bà L, ông P, bà B xác nhận ông P có nhiều đóng góp trong việc xây dựng di sản thừa kế và đề nghị chia di sản thừa kế của Cụ Đ cho ông P bằng kỹ phần của các đồng thừa kế khác. Vì vậy, di sản thừa kế của Cụ Đ được chia theo pháp luật đều cho các đồng thừa kế.

Theo biên bản định giá ngày 06/7/2017 của Hội đồng định giá quận Tây Hồ xác định giá trị tài sản nhà đất của Cụ M, Cụ Đ tại Số 38 T, phường Q, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội cụ thể như sau:

- Phần xây dựng:

Căn nhà được xây dựng năm 2003, sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng kiểu biệt thự 04 tầng, 01 tum, trong đó tầng trệt một nửa làm gara, một nửa làm bể bơi. Tầng 2, tầng 3, tầng 4 (tầng tum) diện tích mặt sàn bằng diện tích tầng trệt.

+ Giá trị còn lại sau khi trừ khấu hao của tầng trệt là: $2.478.960 \text{ đồng} \times 111,7\text{m}^2 = 276.899.832 \text{ đồng}$.

+ Giá trị còn lại của tầng 2, tầng 3, tầng 4 sau khi trừ khấu hao là :

$4.292.960 \text{ đồng} \times 111,7 \times 3 = 1.438.570.896 \text{ đồng}$

+ Giá trị phần mái tôn của căn nhà sau khi trừ khấu hao là :

$1.806.480 \text{ đồng} \times 111,7 = 201.783.816 \text{ đồng}$

Tổng giá trị căn nhà đã khấu hao là:

$276.899.832 \text{ đồng} + 1.438.570.896 \text{ đồng} + 201.783.816 \text{ đồng} = 1.917.254.544 \text{ đồng}$

(Một tỷ, chín trăm mười bảy triệu, hai trăm năm mươi tư nghìn, năm trăm bốn bốn đồng)

- Giá trị quyền sử dụng đất:

Tại biên bản định giá xác định giá trị quyền sử dụng đất tại Số 38 T là $150.000.000\text{đ}/\text{m}^2$ đối với phần diện tích đất ở và đất vườn liền kề, phần diện tích đất $57,2 \text{ m}^2$ không được cấp chứng nhận, Hội đồng định giá không tiến hành định giá giá trị quyền sử dụng đất.

Tổng giá trị quyền sử dụng đất là:

$214,8\text{m}^2 \times 150.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 32.220.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng giá trị nhà đất tại Số 38 T là :

$1.901.348.136 \text{ đồng} + 32.220.000.000 \text{ đồng} = 34.137.254.544 \text{ đồng}$.

Theo biên bản định giá ngày 06/7/2017, Hội đồng định giá quận Tây Hồ xác định giá trị tài sản nhà đất của Cụ M, Cụ Đ tại số 1, ngách 34/12 Âu Cơ, phường Q, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội cụ thể như sau:

- Phần xây dựng:

Căn nhà 02 tầng, 01 tum được xây dựng năm 2005, diện tích bê tông cốt thép (tầng 1+ tầng 2+ tầng tum) là 112m^2 , diện tích ban công tầng 1 + tầng 2 là $13,2\text{m}^2$. Tổng diện tích mái bằng bê tông cốt thép là $125,2\text{m}^2$. Giá trị còn lại của căn nhà sau khi trừ khấu hao là: $125,2 \times 5.932.649 \text{ đồng} \times 38/50 = 564.503.418 \text{ đồng}$.

Phần mái tôn sân tầng 1 và tum là $46,5\text{m}^2$ đã hết niên hạn sử dụng nên Hội đồng không định giá.

- Giá trị quyền sử dụng đất :

Tại biên bản định giá xác định giá trị quyền sử dụng đất tại số 1, ngách 34/12 Âu Cơ là $40.000.000\text{đ}/\text{m}^2$. Tổng giá trị quyền sử dụng đất là:

$$76,5\text{m}^2 \times 40.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 3.060.000.000 \text{ đồng}.$$

Tổng giá trị nhà đất tại số 1, ngách 34/12 Âu Cơ là :

$$564.503.418 \text{ đồng} + 3.060.000.000 \text{ đồng} = 3.624.503.418 \text{ đồng}.$$

Tổng giá trị di sản thừa kế của Cụ Đ để lại là :

$$(34.137.254.544 \text{ đồng} + 3.624.503.418 \text{ đồng}) : 2 = 18.880.878.981 \text{ đồng}.$$

(Mười tám tỷ, tám trăm tám mươi triệu, tám trăm bảy tám nghìn, chín trăm tám mươi một đồng)

+ Phân chia cụ thể như sau :

Giá trị di sản của Cụ Đ được chia làm bảy kỷ phần bằng nhau. Ông H được chia 01 kỷ phần. Các kỷ phần của bà T, ông Đ, bà L, ông P, bà Bích đều nhường lại cho Cụ M. Việc nhường lại phần di sản của các ông, bà là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận. Cụ M được hưởng 6 kỷ phần.

Giá trị mỗi kỷ phần thừa kế là :

$$18.880.878.981 \text{ đồng} : 7 = 2.697.268.426 \text{ đồng}$$

Ông H được hưởng là 2.697.268.426 đồng. Phần Cụ M được hưởng là 16.183.610.555 đồng.

Cụ M phải thanh toán cho ông H giá trị 1 kỷ phần là 2.697.268.426 đồng và được sở hữu, sử dụng toàn bộ di sản thừa kế của cụ. Diện tích là $\frac{1}{2}$ diện tích căn nhà 3 tầng, trên diện tích đất $76,5\text{m}^2$ tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 13, địa chỉ tại số 1 ngõ 34/12 Âu Cơ, phường Q, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội và $\frac{1}{2}$ diện tích căn nhà 4 tầng 01 tum, diện tích đất được cấp giấy chứng nhận là $214,8\text{m}^2$ (trong đó 120m^2 đất ở, $94,8\text{m}^2$ đất liền kề) tại thửa đất số 106, tờ bản đồ số 12, địa chỉ Số 38 T, phường Q, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

Phần đất $57,2\text{m}^2$ phía trước thửa đất số 106, tờ bản đồ số 12, địa chỉ Số 38 T, phường Q, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội do không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên tạm giao cho Cụ M quản lý, sử dụng. Cụ M

phải chấp hành các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến phần diện tích đất này.

[3]. Về án phí: Ông H, Cụ M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản được hưởng theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 468, 611, 612, 613, 620, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 144, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật thi hành án dân sự;

Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án năm 2009.

Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu xin chia thừa kế theo pháp luật của cụ Phạm Thị Mỹ đối với phần di sản thừa kế của cụ Vũ Hoa Đ.

2- Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Vũ Hoa Đ là ngày 18/7/2013. Xác nhận Cụ Đ chết không để lại di chúc, di sản thừa kế của Cụ Đ được chia theo pháp luật.

3 - Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của Cụ Đ gồm: Cụ Phạm Thị M, ông Vũ H, bà Vũ Thị Minh T, ông Vũ H Đường, bà Vũ Thị L, ông Vũ Ngọc P, bà Vũ Thị Bích L.

4 - Xác nhận di sản có yêu cầu xin chia thừa kế của Cụ Đ là 1/2 nhà đất tại Số 38 T, phường Q, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội và tại số 1 ngõ 34/12 Âu Cơ, phường Q, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, có tổng giá trị là 18.880.878.981 đồng.

5 - Phân chia cụ thể:

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T, ông Đ, bà L, ông P, bà B dành toàn bộ giá trị kỷ phần thừa kế của mình cho Cụ M. Ghi nhận sự tự nguyện của Cụ M không yêu cầu tính công sức trông nom di sản thừa kế của Cụ Đ.

Ông Vũ H được hưởng 01 kỷ phần di sản thừa kế có giá trị là 2.697.268.426 đồng.

Cụ Phạm Thị M được hưởng 06 kỷ phần di sản thừa kế có giá trị là 16.183.610.555 đồng.

Cụ M phải thanh toán cho ông Vũ H giá trị 01 kỷ phần là 2.696.132.253 đồng và được sở hữu, sử dụng toàn bộ diện tích nhà đất diện tích căn nhà 3

tầng, trên diện tích đất là 76.5m² tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 13, địa chỉ tại số 1 ngõ 34/12 Âu Cơ, phường Q, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội và toàn bộ diện tích căn nhà 4 tầng 01 tum, trên diện tích đất được cấp giấy chứng nhận là 214,8m² (trong đó 120m² đất ở, 94.8m² đất liền kề) tại thửa đất số 106, tờ bản đồ số 12, địa chỉ Số 38 T, phường Q, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7 - Tạm giao cho Cụ M quản lý, sử dụng phần đất 57,2m² phía trước thửa đất số 106, tờ bản đồ số 12, địa chỉ Số 38 T, phường Q, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ phải chấp hành các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến phần diện tích đất này (Theo sơ đồ tại giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số 10103113192 do UBND quận Tây Hồ cấp theo hồ sơ gốc 1840/QĐ-UB, phần không được cấp chứng nhận)

8 - Về án phí: Cụ M phải chịu 124.183.600đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ số tiền 30.000.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 05711 ngày 01/8/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tây Hồ. Cụ M còn phải nộp 94.183.600đồng.

Ông H phải chịu 85.945.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

9- Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- *VKSND quận Tây Hồ;*
- *Chi cục THADS q.Tây Hồ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đăng Vĩnh